TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HC-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024
V/v: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tuất;
Ông Nguyễn Minh Cường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đình Nhật - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc: "*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HC ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-HC ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị O; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh K; địa chỉ: I T, phường N, thị xã N, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã N (Văn bản số 4647/UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND thị xã N). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Sơn V; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N. Vắng mặt.

- Ông Trần Thiện Phú C; chức vụ: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã N. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn T1; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hồng T2; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh K.

- Ông Nguyễn N; Thôn N, xã N, thị xã N tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng T2 và ông Nguyễn N: Bà Nguyễn Thị O; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh K (Giấy ủy quyền số: 08860, quyển số 25/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2023 tại Văn phòng C2). Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn T3; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn H; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2023 và quá trình tố tụng, người khởi kiện Nguyễn Thị O trình bày:*

Năm 1996, cha mẹ của bà Nguyễn Thị O là cụ Nguyễn C1 (chết năm 2001) cụ bà Phạm Thị N1 (chết năm 2002) được Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ 02 (*Hai*) thửa đất, trong đó có thửa đất số 261, tờ bản đồ số 22 tại Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K (Sau đây viết tắt là thửa đất số 261). Theo nhân khẩu tại thời điểm cấp đất, gồm: Cha mẹ bà O, ông Nguyễn N (em trai bà O), bà O và Nguyễn Thị Hồng T2 (con gái bà O), gia đình bà O canh tác ổn định trên đất từ năm 1996 đến nay. Thời điểm cấp đất năm 1996, cán bộ xã, các cơ quan chức năng có đến chỉ đất cấp cho hộ gia đình bà canh tác, thửa đất số 261 giáp ranh thửa đất của ông Lê Văn T4, ông Lê T5, ông Nguyễn Quốc H1. Mục đích sử dụng sản xuất lúa 1 vụ, sau đó gia đình bà đã cải tạo để trồng dừa, xoài. Khi cha mẹ bà O mất, ông Nguyễn N và mẹ con bà O canh tác trên thửa đất, trực tiếp quản lý sử dụng và không tranh chấp với ai. Trong thời gian canh tác, bà O nghĩ là canh tác ổn định nên không đi đăng ký kê khai, nhưng gia đình có đóng thuế sử dụng đất và được miễn thuế theo quy định.

Năm 2022, bà O đăng ký gia hạn quyền sử dụng đất thì biết được thửa đất số 261 đã được UBND huyện N (Nay là thị xã N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L570499, số vào sổ cấp GCN: 00633QSDĐ/NI-NH, cấp ngày 28/3/1998 cho hộ ông Nguyễn M và bà Trần Thị M1 (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH). Sau đó, cụ M và cụ M1 thuận phân giao con trai là ông Nguyễn T1 thửa đất số 261. Ông Nguyễn T1 được UBND thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ308820, số vào sổ cấp GCN: CH00402, ngày 30/12/2011 đối với 03 thửa đất, trong đó có thửa đất số 261, tờ bản đồ số 22, tại thôn T, xã N, thị xã N, diện tích 610m^2, loại đất: Lúa (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số CH00402) thuộc quyền sử dụng của bà.

Tháng 4/2022, bà O làm đơn yêu cầu UBND xã N giải quyết công nhận phần diện tích đất cho bà nhưng không thành.

Việc UBND thị xã N cấp GCNQSDĐ số CH00402 đối với thửa đất số 261 là sai quy định, nên bà yêu cầu hủy:

+ Một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất 261.

+ Một phần GCNQSDĐ số CH00402 đối với thửa đất số 261.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị O rút yêu cầu khởi kiện hủy một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất số 261. Đối với ý kiến của ông T1 về mỗi người hưởng ½ thửa đất số 261, bà O không đồng ý vì là đất của bà.

** Tại Văn bản số 204/UBND ngày 17/01/2024 và quá trình tố tụng, người bị kiện UBND thị xã N trình bày:*

Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 ngày 24/02/1998 được Chủ tịch Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã N xác nhận ngày 07/3/1998, trong đó có thửa đất số 261, tờ bản đồ số 22 với diện tích 610 m^2. Nguồn gốc đất: Cấp theo Nghị định 64/CP.

Ngày 28/3/1998, hộ cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 được UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH tại thửa đất nêu trên.

Ngày 02/12/2011, ông Nguyễn T1 có đơn đề nghị đăng ký biến động và đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi đối với GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH.

Ngày 30/12/2011, ông Nguyễn T1 được UBND thị xã N cấp GCNQSDĐ số CH00402, trong đó có thửa đất số 261.

Như vậy, về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H2 cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 tại GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH và GCNQSDĐ số CH00402 cấp cho ông Nguyễn T1 được thực hiện theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Hồng T2, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị O trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của người khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1 trình bày:*

Năm 1996, hộ gia đình cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 được Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Thửa đất số 261 sản xuất không thuận lợi nên cụ Nguyễn M cho gia đình bà O mượn để làm đến nay.

Năm 2008, trước khi cụ Nguyễn M mất có để lại cho ông Nguyễn T1 thửa đất số 261.

Năm 2011, ông Nguyễn T1 được UBND thị xã N cấp GCNQSDĐ số CH00402. Vì vậy, ông Nguyễn T1 không đồng ý hủy một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất số 261 và hủy GCNQSDĐ số CH00402 đối với thửa đất số 261.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn T1 trình bày: Thửa đất số 261 do gia đình bà O trực tiếp sử dụng và canh tác, cha mẹ và gia đình ông chưa sử dụng thửa đất này, ông chỉ nghe cha ông nói cho bà O mượn nhưng không có giấy tờ chứng minh. Từ trước đến khi mất, cha ông không đòi thửa đất số 261 từ bà O. Ông T1 không tranh chấp thửa đất số 261 với bà O, ông đề nghị bà O chia thửa đất thành 02 phần, bà O hưởng ½, ông T1 hưởng ½.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ UBND xã N trình bày:*

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H2 cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1, UBND xã N chỉ xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã N quản lý:

+ Sổ dã ngoại: Thửa số 261, diện tích: 610m^2, loại đất: 1L mang tên: Nguyễn Mây;

+ Sổ mục kê: Thửa số 261, diện tích: 610m^2, loại đất: 1L mang tên: Nguyễn Mây;

+ Sổ địa chính: Ghi chủ sử dụng đất Nguyễn M, sinh năm 1930 và vợ là Trần Thị M1, thôn N, xã N. Thửa số 261, diện tích 610m^2, loại đất: Lúa.

Cột những thay đổi trong quá trình sử dụng: Ghi ông Nguyễn T1 nhận thừa kế ngày 20/12/2011. Số vào sổ ghi: 633.

** Người làm chứng ông Nguyễn H1 trình bày*: Ông H1 là anh em cùng mẹ khác cha với ông T1; bà O là chị họ của ông. Ông H1 là cán bộ Hợp tác xã N2 từ năm 1986 đến năm 1994 (là thời điểm hợp tác xã thực hiện xong việc chia đất và giải thể). Khi cấp đất bà O làm ruộng trên thửa đất đang tranh chấp từ thời điểm cấp đất đến nay.

** Người làm chứng ông Nguyễn T3 trình bày*: Ông T3 là anh họ bà O và là chú họ ông T1. Bà O sử dụng từ khi cấp đất theo Nghị định 64/CP, trước đây thì có trồng lúa, sau đó chuyển sang trồng cây ăn trái.

Kèm theo đơn khởi kiện, ý kiến người bị kiện, ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ đã được công khai tại biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa.

Toà án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người bị kiện vắng mặt nên việc đối thoại không thể thực hiện được. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà mở phiên toà xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đều đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về hủy một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất 261; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc hủy một phần GCNQSDĐ số CH 00402 đối với thửa đất 261.

+ Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người làm chứng vắng mặt có yêu cầu xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị khởi kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Tại buổi hòa giải ngày 06/5/2022 do UBND xã N thực hiện, bà Nguyễn Thị O biết và không đồng ý việc ông Nguyễn T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 261. Ngày 09/9/2022, bà Nguyễn Thị O có đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị O rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất số 261. Việc bà O rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà O về hủy một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất số 261.

[3] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị O hủy một phần GCNQSDĐ số CH 00402 đối với thửa đất số 261:

[3.1] Về việc sử dụng thửa đất số 261:

Theo sổ dã ngoại, sổ mục kê ruộng đất: Thửa đất số 261 đứng tên cụ Nguyễn M .

Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai do UBND xã N lập ngày 06/5/2022:

Ông Trương Trung T6 - Chủ tịch M2 xã N trình bày: Về phía gia đình ông N, bà O thì thửa đất này mặc dù không có trong sổ đỏ do gia đình không biết nhưng từ lúc nhận đất đã sử dụng liên tục cho đến nay hơn 20 năm. Về phía ông T1, thửa đất 261 có trong sổ đỏ nhưng thực tế lại không sản xuất, không sử dụng và cũng không biết thửa 261 nằm ở đâu, đến bây giờ mới biết thửa 261 do gia đình ông Nguyễn N sử dụng.

Ông Nguyễn Hữu D - Trưởng thôn T, xã N trình bày: Thực tế ông H1 đi chia đất cho gia đình bà O có chỉ 02 lô đất ruộng cho gia đình bà O, từ đó bà O sử dụng và làm đến bây giờ, có khả năng do người chỉ nhầm lô đất vì thời điểm đó những người được cấp đất chưa được cấp sổ đỏ mà chỉ nhận đất thông qua người trực tiếp giao đất.

Những người làm chứng đều trình bày: Bà O trực tiếp sử dụng thửa đất số 261 từ khi được giao đất vào năm 1996 (theo Nghị định 64/CP) cho đến nay.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xác định: Bà O là người trực tiếp sử dụng thửa đất số 261, trên đất có 01 nhà tạm, ranh giới đất có 18 trụ bê tông có hàng rào kẽm gai, trồng 7 cây ổi, 16 cây mít, 14 cây xoài, 25 cây dừa, 01 cái giếng đường kính 1,2m.

Tại Biên bản chấm dứt việc đối thoại do Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa lập ngày 22/9/2023 và tại phiên tòa, ông Nguyễn T1 thừa nhận từ khi giao đất theo Nghị định 64/CP cho đến nay (2023) bà Nguyễn Thị O là người canh tác, sản xuất tại thửa đất số 261. Cha mẹ và gia đình ông không sử dụng thửa đất này; khi còn sống, cha ông không đòi thửa đất số 261 từ bà O, ông T1 không tranh chấp thửa đất số 261 với bà O. Ông Nguyễn T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện cụ Nguyễn M cho bà O mượn ruộng để sản xuất.

Như vậy, có căn cứ xác định bà O là người quản lý, sử dụng thửa đất số 261 từ năm 1996 đến nay, không có tranh chấp; hộ cụ M, cụ M1 và ông T1 không quản lý, sử dụng thửa đất số 261.

[3.2] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 261:

Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: "*Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Như nhận định tại mục [3.1], bà O là người quản lý, sử dụng thửa đất số 261 từ năm 1996 đến nay, không có tranh chấp; hộ cụ M, cụ M1 và ông T1 không quản lý, sử dụng thửa đất số 261. Do đó, UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH cho hộ cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 là không đúng đối tượng, không phù hợp với quy định pháp luật.

Do GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH cấp cho hộ cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 là không đúng, nên việc UBND thị xã N cấp GCNQSDĐ số CH00402 đối với thửa đất số 261 nguồn gốc do nhận thừa kế của cụ Nguyễn M và cụ Trần Thị M1 cho ông Nguyễn T1 là không đúng pháp luật. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà O.

Từ nhận định [3.1] và [3.2], yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị O: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà O về hủy một phần GCNQSDĐ số 00633QSDĐ/NI-NH đối với thửa đất số 261, hủy một phần GCNQSDĐ số CH 00402 đối với thửa đất số 261.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ trong vụ án là 3.700.000 đồng, bà O đã tạm nộp số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận và có yêu cầu người bị kiện phải hoàn lại cho bà số tiền bà đã nộp. Vì vậy, UBND thị xã N phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 3.700.000 đồng.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị O, hủy một phần GCNQSDĐ số CH 00402 đối với thửa đất số 261 nên bà O không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà O theo quy định. Ủy ban nhân dân thị xã N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 30; Điều 158; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 144 và khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 97, 98, 99, 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L570499, số vào sổ cấp GCN: 00633QSDĐ/NI-NH, do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 28/3/1998 cho hộ ông Nguyễn M, bà Trần Thị M1 đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 22, xã N, thị xã N. Bà O có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ308820, số vào sổ cấp GCN: CH00402, do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 30/12/2011 đối thửa đất số 261, tờ bản đồ số 22, tại thôn T, xã N, thị xã N, diện tích 610m^2, loại đất Lúa cho ông Nguyễn T1.

3. Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân thị xã N phải chịu 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ. Do bà O đã tạm nộp tòa bộ chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nên Ủy ban nhân dân thị xã N phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân thị xã N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị O 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010339 ngày 24/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hồng Tuấn